TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 368/2025/DS–ST
Ngày: 26-8-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 -THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Tiến Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Liễu

Ông Trần Quốc Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Lê Duy Bảo Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1519/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXX-DS ngày 04 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 991/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V ;
Địa chỉ trụ sở: H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị T – Chuyên viên Xử lý nợ của Ngân hàng TMCP V (Theo Giấy ủy quyền số: 3035/2025/UQ-VPB do Ngân hàng V lập ngày 02/06/2025) *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Số A (số C) đường D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh (*vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Ngày 23/06/2023, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 có ký kết với Ngân hàng TMCP V Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng V; Bản điều khoản và điều kiện về sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Ngân hàng đã cấp thẻ tín

dụng cho bà T1 với hạn mức tín dụng là 480.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 33.48%/năm.

Sau khi được Ngân hàng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng trong suốt thời gian từ lúc kích hoạt thẻ cho đến nay, bà T1 đã thanh toán toán cho Ngân hàng số tiền 29.357.204 đồng (Hai mươi chín triệu, ba trăm năm mươi bảy nghìn, hai trăm lẻ bốn đồng). Tổng số tiền thanh toán áp dụng theo khoản 1 Điều 5 Bản điều khoản và điều kiện về sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử của Ngân hàng.

Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc, nhắc nhở và yêu cầu bà T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng bà T1 vẫn không có thiện chí hợp tác. Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian cho bà T1 trả nợ nhưng vẫn không có phương án trả dứt nợ cho Ngân hàng. Dẫn đến vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng số LN2306269555491 ký ngày 23/06/2023, các khoản vay đã quá hạn thanh toán kể từ ngày 14/04/2024. Nhận thấy, bà T1 không còn khả năng thanh toán nợ, ngày 14/04/2024, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn, làm nợ gốc, lãi suất được tính theo khoản 2 Điều 6 Phần D Bản điều khoản và điều kiện về sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử của Ngân hàng, đồng thời, chấm dứt việc thực hiện đối với hợp đồng cho vay trên.

Tính đến ngày 26/08/2025, bà T1 còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là: 949.654.193 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc: 474.532.898 đồng; Nợ lãi: 475.121.295 đồng.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 còn phải có trách nhiệm trả khoản lãi phát sinh từ ngày 27/08/2025 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà. Tuy nhiên, bà T1 đều vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn bà Võ Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời, có bổ sung tài liệu là bảng tóm tắt sao kê với lãi suất được tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/8/2025. Bà Võ Thị T giữ nguyên yêu cầu đã trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T1 có ký kết Hợp đồng để được cấp thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP V, do đó, đây là vụ án tranh chấp về dân sự, cụ thể là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Căn cứ các kết quả xác minh của Công an P, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Công an phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) xác định bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số C D Q, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) nên Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Ngọc T1 theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T1 không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V bà Võ Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ tính đến ngày 26/8/2025 là: 949.654.193 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc: 474.532.898 đồng; Nợ lãi: 475.121.295 đồng phát sinh từ Hợp đồng số LN2306269555491 ký ngày 23/06/2023, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 23/06/2023 bà Nguyễn Thị Ngọc T1 có ký kết với Ngân hàng TMCP V Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số LN2306269555491 (bao gồm Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ V; Bản điều khoản và điều kiện về sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Ngân hàng

đã cấp thẻ tín dụng cho bà T1 với hạn mức tín dụng là 480.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 33.48%/năm căn cứ theo Quyết định về việc ban hành điều chỉnh lãi suất thẻ tín dụng của Khối khách hàng cá nhân tại V1 số 800/2022/QĐ-GĐK ngày 20/10/2022 của Ngân hàng TMCP V.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 đã thanh toán toán cho Ngân hàng số tiền 29.357.204 đồng (Hai mươi chín triệu, ba trăm năm mươi bảy nghìn, hai trăm lẻ bốn đồng). Tổng số tiền bà T1 đã thanh toán sẽ được áp dụng theo khoản 1 Điều 5 Bản điều khoản và điều kiện về sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử của Ngân hàng. Do đó, đến ngày 14/04/2024 bà T1 còn dư nợ là 474.532.898 đồng, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn, làm nợ gốc, lãi suất được tính theo khoản 2 Điều 6 Phần D Bản điều khoản và điều kiện về sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử của Ngân hàng, đồng thời, chấm dứt việc thực hiện đối với hợp đồng cho vay trên.

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật". Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị Ngọc T1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, còn nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 26/08/2025 là: 949.654.193 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc: 474.532.898 đồng; Nợ lãi: 475.121.295 đồng. Nguyên đơn đã áp dụng mức lãi suất và thời gian tính lãi đúng quy định của hợp đồng và phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên việc yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán nợ gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện là có cơ sở chấp nhận.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 949.654.193 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc: 474.532.898 đồng; Nợ lãi: 475.121.295 đồng phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/06/2023. Kể từ ngày 27/08/2025, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 40.489.625 đồng (Bốn mươi triệu, bốn trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí là 16.188.521 đồng (Mười sáu triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm hai mươi mốt đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0057023 ngày 26/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ những phân tích và nhận định trên cũng như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền 949.654.193 đồng (Chín trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn, một trăm chín mươi ba đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc: 474.532.898 đồng (Bốn trăm bảy mươi bốn triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi tám đồng; Nợ lãi: 475.121.295 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu, một trăm hai mươi mốt nghìn, hai trăm chín mươi lăm đồng) phát sinh từ Hợp đồng số LN2306269555491 ngày 23/06/2023, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 40.489.625 đồng (Bốn mươi triệu, bốn trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V tiền tạm ứng án phí là 16.188.521 đồng (Mười sáu triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm hai mươi mốt đồng)

theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0057023 ngày 26/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Toà hoặc không có mặt khi Tòa tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 7-TP.HCM;
- THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Tiến Thịnh